

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST

Ngày: 23-12-2020

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Dệt.

2. Ông Lê Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Công T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 7 năm 2020).

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

- Bà Phạm Thị Thanh M (Tên gọi khác: Phạm Thị L), sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tất cả đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2020, bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S có bán thức ăn gia súc, gia cầm cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M (Tên gọi khác là Phạm Thị L) tại địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre từ tháng 06/2013 đến tháng 12/2019 thì ông T và bà M kết thúc mua thức ăn với Công ty. Tại thời điểm kết

thức mua thức ăn, ông T và bà M còn nợ Công ty số tiền là 235.069.545 (hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng. Ông T và bà M có ký biên bản đối chiếu xác nhận nợ với Công ty. Ngày 02/01/2020, bà M trả cho Công ty số tiền là 25.637.500 (hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng; còn nợ Công ty số tiền là 209.432.045 (hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh M trả số tiền là 209.432.000 (hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Tại bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Thanh M trình bày:

Vợ chồng bà làm nghề chăn nuôi heo để phát triển kinh tế gia đình, kiếm thêm thu nhập để trang trải cho cuộc sống. Từ năm 2013, bà bắt đầu mua thức ăn chăn nuôi heo của Công ty S. Hai bên mua bán thuận lợi, không có tranh chấp gì, số tiền mà bà đã mua bán với Công ty cũng trên dưới ba tỷ đồng.

Từ tháng 07/2019, do tình hình dịch bệnh heo bị chết hết, vợ chồng bà bị lỗ vốn nên không chăn nuôi heo và cũng không mua thức ăn chăn nuôi của Công ty nữa. Lúc này, vợ chồng bà nợ Công ty số tiền mua thức ăn là 354.400.000 (ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Từ ngày 27/11/2019 đến ngày 02/01/2020, vợ chồng bà trả cho Công ty được 145.368.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng và còn nợ là 209.032.000 (hai trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Vào tháng 01/2020, đại diện Công ty S đến yêu cầu vợ chồng bà làm giấy nợ và đồng ý cho trả dần mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tuy nhiên, vì tình hình dịch bệnh làm vợ chồng bà thua lỗ rất nhiều, cộng thêm dịch bệnh Covid – 19 nên vợ chồng bà làm ăn rất khó khăn, không đủ để trang trải cuộc sống gia đình và trả nợ cho Công ty. Do đó, vợ chồng bà chưa trả thêm lần nào cho Công ty, chứ vợ chồng bà không trốn tránh trách nhiệm. Thời gian gần đây, vợ chồng bà liên hệ với Công ty để xin trả nợ tiếp theo thỏa thuận trong giấy nợ nhưng Công ty không đồng ý mà khởi kiện vợ chồng bà.

Nay bà thừa nhận còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 209.432.000 (hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng và xin trả dần 03 tháng một lần trả số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị Thanh M và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M về hợp đồng mua bán tài sản. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1969; cùng cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng, yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (gọi tắt là Công ty S) và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Thanh M có hợp đồng mua bán thức ăn, hợp đồng thỏa thuận miệng, ngày 15/11/2019 xác nhận nợ số tiền là 349.432.045 (*ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm*) đồng; đến ngày 02/01/2020, ông T và bà M đã trả cho Công ty S số tiền là 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng. Ngày 02/01/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M còn nợ số tiền là 209.432.045 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm*) đồng, việc hợp đồng miệng mua bán tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty S và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Thanh M là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M trả số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M đồng ý trả số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng và xin Công ty S cho trả dần 03 tháng một lần trả số tiền là 5.000.000 (*năm triệu*) đồng cho đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi; khi hợp đồng hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán sau khi mỗi đợt thì thanh toán tiền một lần nhưng mỗi đợt thanh toán ông T và bà M thanh toán không đầy đủ. Ngày 15/11/2019 xác nhận nợ số tiền là 349.432.045 (*ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm*) đồng đến ngày 02/01/2020 thì ông T và bà M đã trả cho Công ty S số tiền là 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng. Do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, ông T và bà M không có khả năng thanh toán tiền cho Công ty S nên ông T và bà M còn nợ Công ty S số tiền là 209.432.045 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm*) đồng. Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Tại phiên tòa, ông T và bà M đồng ý trả số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm*) đồng nhưng ông T và bà M yêu cầu được trả dần 03 tháng một lần trả số tiền là 5.000.000 (*năm triệu*) đồng cho đến khi trả hết nợ. Xét yêu cầu được trả 03 tháng một lần

trả số tiền là 5.000.000 (*năm triệu*) đồng cho đến khi trả hết nợ của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H không đồng ý cho ông T và bà M trả dần nên không có cơ sở xem xét yêu cầu này của ông T và bà M. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty S, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M trả số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M trả lãi suất đối với số tiền trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M phải chịu là: 209.432.000 đồng x 5% = 10.471.600 đồng (*mười triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm*) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đối với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 209.432.000 (*hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn*) đồng. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M trả lãi suất đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thanh M phải nộp số tiền là 10.471.600 (*mười triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S là 5.235.000 (*năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002540 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn